

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----
Bản án số: **144/2020/DS-ST**

Ngày 19/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Minh.

2. Ông Đỗ Công Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Bà Trần Thị Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị **Trần Thị Kim P**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn B, huyện Y, tỉnh G.

- Bị đơn: **Phạm Văn G**, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày: Vào ngày 24/8/2019 âm lịch, chị T có cho anh G vay số tiền là 200.000.000 đồng, không tính lãi, anh G có ký tên vào 01 biên nhận ngày 24/8/2019 âm lịch và 01 biên nhận không ghi ngày tháng năm, thỏa Tận thời hạn trả nợ vào ngày 20/01/2020 âm lịch nhưng sau đó, anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho

chị T. Nay chị T yêu cầu anh G trả số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Văn G trình bày:* Cách đây khoảng 02 năm, anh có nợ chị T 20.000.000 đồng là tiền cá độ bóng đá, chứ chị T cũng không cầm tiền đưa cho anh vay. Khi đó, hai bên đều không có làm biên nhận nhưng hàng tháng anh đều có trả 2.000.000 đồng tiền lãi cho chị T, lãi suất là 10%/tháng, anh trả khoảng 07 – 08 tháng lãi thì ngưng, do anh không có khả năng trả lãi tiếp cho chị T. Đến Tết nguyên đán năm 2020, chị T dẫn theo 02 người đàn ông đến nhà bắt buộc anh phải ký vào biên nhận nợ, do khi đó anh đang say và do anh không biết chữ nên không đọc được nội dung trong biên nhận nên anh đã ký tên vào 02 biên nhận (01 biên nhận này 24/8/2019 âm lịch và 01 biên nhận không ghi ngày tháng năm do chị T cung cấp). Nay anh chỉ nợ chị T 20.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi hết nợ, không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng như chị T yêu cầu.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh G có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa chị T và anh G là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 06/7/2020, anh G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh G.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, chị Phương yêu cầu anh G có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền còn nợ là 200.000.000 khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nhận thấy, anh G trình bày chỉ có nợ chị T 20.000.000 đồng nhưng anh G không cung cấp chứng cứ gì chứng minh cho điều này. Mặc khác, tại Biên bản hòa giải (BL 27), anh G thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 24/8/2019 âm lịch và biên nhận không ghi ngày tháng năm (BL 23, 24). Do đó, từ những cơ sở trên xác định, anh G còn nợ chị T số tiền 200.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu của chị T là có cơ sở, buộc anh G có nghĩa vụ trả chị T số tiền 200.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do anh G có nghĩa vụ trả nợ nên anh G phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.**

- Buộc anh Phạm Văn G có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền **200.000.000 đồng** (*Hai trăm triệu đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh G chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh G phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh G phải chịu án phí là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).
- Hoàn lại chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) theo biên lai số 0017623 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng anh G thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An